TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75** /2017/DS-ST
Ngày: 28/9/2017
V/v TC Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Lệ Thúy**

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Khanh**

2. Ông **Huỳnh Khởi**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Linh Đa** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông **Dương Thanh Hậu**- Kiểm sát viên

Trong ngày 28/9 /2017 , tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2017/TLST-DS ngày 13/6/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2017/QĐXXST-DS ngày 28/8/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2017/QĐST-DS, ngày 15/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S, địa chỉ: Quận X, TP. HCM, có người đại diện theo pháp luật là ông Phan Huy K, chức vụ Tổng Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Tuấn A. Ông Nguyễn Tuấn A ủy quyền cho ông Nguyễn Huỳnh Phi L theo Giấy ủy quyền số 565/2017/GUQ-CNST ngày 17/8/2017 (ông L có mặt)

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/6/2017, trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S - ông Nguyễn Huỳnh Phi L trình bày:

Bà Huỳnh Ngọc T có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S để vay số tiền cụ thể như sau:

Theo hợp đồng tín dụng số LD 1422600180, ký ngày 14/8/2014:

Số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng.

Thời hạn vay: 48 tháng, ngày đến hạn 14/8/2018, trả kỳ đầu tiên vào ngày 30/9/2014. Số tiền trả mỗi kỳ là 2.833.000 đồng, số tiền trả cuối kỳ là 2.849.000 đồng.

Lãi suất 0,75%/tháng

Mục đích vay: tiêu dùng.

Từ ngày vay cho đến ngày 24/02/2017 bà T trả vốn được 26 kỳ, với số vốn là 54.158.000 đồng, còn nợ lại 45.842.000 đồng.

Dư nợ đến ngày 28/9/2017 là 45.842.000 đồng.

Lãi trong hạn 8.325.000 đồng (từ ngày 30/9/2016 đến ngày 28/9/2017)

Lãi quá hạn 1.382.591 đồng.

Tổng cộng 55.549.591 đồng.

Nay, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Huỳnh Ngọc T trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền vốn gốc và lãi là 55.549.591 đồng (trong đó vốn 45.842.000 đồng, lãi trong hạn là 8.325.000 đồng , tiền lãi quá hạn là 1.382.591 đồng (từ ngày 31/10/2016 đến ngày 28/9/2017).

Bị đơn ông Huỳnh Ngọc T trình bày: Bà có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S để vay số tiền cụ thể như sau:

Theo hợp đồng tín dụng số LD 1422600180, ký ngày 14/8/2014.

Số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng.

Thời hạn vay: 48 tháng, ngày đến hạn 14/8/2018

Theo Hợp đồng thì bà T trả kỳ đầu tiên vào ngày 30/9/2014, số tiền vốn trả mỗi kỳ là 2.083.000 đồng, số tiền trả cuối kỳ là 2.849.000 đồng. Nhưng khi ký hợp đồng thì Ngân hàng đã trừ kỳ trả đầu tiên của bà là 2.083.000 đồng.

Lãi suất 0,75%/tháng.

Mục đích vay: tiêu dùng.

Bà T đóng đầy đủ cho Ngân hàng cho đến khi nhận được Thông báo nhắc nợ ngày 05/01/2017 của Ngân hàng thể hiện bà còn nợ Ngân hàng là 43.759.000 đồng. Ngày 24/02/2017, bà có trả cho Ngân hàng thêm 2.083.000 đồng. Như vậy, bà còn nợ Ngân hàng 43.759.000 đồng - 2.833.000 đồng = 40.926.000 đồng.

Từ đó cho đến nay Ngân hàng không đến trường nơi bà T dạy học để thu tiền cho nên bà chưa đóng tiếp tục. Tới thời điểm hiện tại thì bà không xác định được bà còn nợ Ngân hàng bao nhiêu tiền. Nay bà T đồng ý trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng kể từ ngày bà chưa đóng cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Huỳnh Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt – nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung vụ án: Theo chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự thì bà Huỳnh Ngọc T có ký Hợp đồng tín dụng số LD 1422600180, ký ngày 14/8/2014 với Ngân hàng TMCP S để vay số tiền 100.000.000 đồng. Thời hạn vay: 48 tháng, ngày đến hạn 14/8/2018, trả kỳ đầu tiên vào ngày 30/9/2014. Số tiền trả mỗi kỳ là 2.083.000 đồng, số tiền trả cuối kỳ là 2.849.000 đồng. Lãi suất 0,75%/tháng. Mục đích vay: tiêu dùng. Hội đồng xét xử cho thấy rằng Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S và Huỳnh Ngọc T thiết lập ngày 14/8/2014 là trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng, bà T là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên công nhận Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S và bà Huỳnh Ngọc T là hợp pháp. Tuy nhiên giữa các bên đương sự không thống nhất về số tiền vốn còn nợ. Phía Ngân hàng S cho rằng dư nợ đến ngày 28/9/2017 là 45.842.000 đồng. Lãi trong hạn là 8.325.000 đồng và lãi quá hạn 1.382.591 đồng (từ 30/9/2016 đến 28/9/2017). Tổng cộng 55.549.591đồng và yêu cầu bà T trả nợ cho Ngân hàng S số tiền này. Còn bà T cho rằng bà đã trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng cho đến khi nhận được Thông báo nhắc nợ ngày 05/01/2017 của Ngân hàng thể hiện bà còn nợ Ngân hàng là 43.759.000 đồng. Ngày 24/02/2017, bà có trả cho Ngân hàng thêm 2.083.000 đồng. Như vậy, bà còn nợ Ngân hàng 43.759.000 đồng - 2.833.000 đồng = 40.926.000 đồng và tiền lãi cho đến ngày xét xử. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù bà T chứng minh bằng Thông báo nhắc nợ ngày 05/01/2017 của

Ngân hàng thể hiện bà T còn nợ Ngân hàng là 43.759.000 đồng. Ngày 24/02/2017, bà có trả cho Ngân hàng thêm 2.083.000 đồng (có biên nhận do ông Huỳnh Hải Đ là Nhân viên của Ngân hàng ký nhận). Tuy nhiên, nội dung thông báo nhắc nợ thể hiện vào thời điểm ngân hàng nhắc nợ cho bà T thì bà T đã trễ hạn thanh toán cho Ngân hàng 66 ngày, chứng tỏ tháng 11 và tháng 12/2016 bà T chưa trả nợ cho Ngân hàng theo lịch trả. Do đó, số liệu về khoản tiền vay theo Thông báo nhắc nợ của Ngân hàng là có sự nhầm lẫn. Hơn nữa, bà T cũng không có chứng cứ chứng minh bà đã đóng cho Ngân hàng tháng 11 và tháng 12/2016. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy do bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà T trả lại cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 45.842.000 đồng, lãi trong hạn là 8.325.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 1.382.951 đồng (từ ngày 31/10/2016 đến ngày xét xử 28/9/2017) là có căn cứ, nên cần áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, buộc bà Thanh trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền vốn và lãi vay là 55.549,591đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27, 48 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án, bà Huỳnh Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 55.549.591đồng x 5% = 2.777.479 đồng.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016;

- Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc bà Huỳnh Ngọc T trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền vốn vay và lãi là 55.549.591 đồng (Năm mươi lăm triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm chín mươi mốt đồng)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Ngân hàng TMCP S có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Huỳnh Ngọc T còn phải trả lãi cho Ngân hàng TMCP S

theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 2.777.479 đồng, bà Huỳnh Ngọc T phải chịu là 2.777.479 đồng (Hai triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng)

Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.300.000 đồng từ Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007479 ngày 13/6/2017 do Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKS, T.H.A cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Lệ Thúy